

Chương II
NGƯỜI SAMARITANÔ NHẬN HẬU:
"ANH CHỊ EM CỦA TÔI"

1.

Người Samaritanô nhân hậu & Ánh sáng vĩnh hằng

*'DÂN CHÚNG ĐI TRONG TỐI TẮM
ĐÃ THẤY MỘT ÁNH SÁNG VĨ ĐẠI'
(IS 9: 2).*

Ánh sáng hữu hình của ngôi sao lạ Bê-lem dẫn đưa Ba nhà đạo sĩ tìm đến với ánh sáng vô hình trong máng cỏ, thứ ánh sáng mắt trần không thấy được, nhưng rất vĩ đại trước con mắt của đức tin. Phải, những ai có lòng thành tin vào lời tiên báo của Isaia - "*Dân chúng đi trong tối tăm đã thấy một ánh sáng vĩ đại, và một ánh sáng đã soi trên dân ở vùng bóng tối của sự chết*" - đều thấy được ánh sáng đó.

Thánh vịnh xác định cho chúng ta ánh sáng đó là gì, và xuất hiện để làm gì: "*Chúa là sự sáng và là Đấng Cứu độ tôi*" (Tv 26, 1a).

Phúc âm đã xác định về sự ứng nghiệm việc tiên báo của vị tiên tri khi nói rằng:

"Khi Đức Yêsu nghe tin ông Yoan đã bị nộp, Người lánh qua miền Galilêa. Rồi Người bỏ Nazareth, đến ở Capharnaum, một thành ven biển hồ Galilêa, thuộc địa hạt Yabulon và Neptali; để ứng nghiệm lời ngôn sứ Isaia nói: 'Này đất Yabulon và Neptali, hỡi con đường ven biển, và vùng tả ngạn sông Yordan, hỡi Galilêa, miền đất của dân ngoại! Đoàn dân đang ngồi trong cảnh tối tăm, đã thấy một ánh sáng huy hoàng, những kẻ đang ngồi trong bóng tối của tử thần nay được ánh sáng bừng lên chiếu rọi.'"

Bốn môn đệ tiên khởi, Phêrô, Anrê, Giacôbê và Yoan, cùng các vị khác trong Nhóm Mười Hai là những môn đệ đầu tiên được điểm phúc thấy "ánh sáng huy hoàng" ấy.

Vì thế, phụng vụ của những ngày ngay sau lễ Giáng sinh đặt trọng tâm vào những dấu chỉ cho thấy ai là những người thực sự nhìn thấy thứ "ánh sáng huy hoàng" ấy tại Bê-lem. Thánh Yoan tông đồ nhấn mạnh rằng: "Ai nói mình ở trong sự sáng mà lại ghét anh chị em mình, thì vẫn còn ở trong tối tăm. Ai yêu thương anh chị em mình, thì ở trong sự sáng..." (1 Ga 2:10ab). Nói khác đi, ai thực tình yêu tôi mới đích thực là anh chị em của tôi.

Thánh Phaolô quảng diễn một cách cụ thể hơn cho chúng ta về dấu chỉ cho thấy ai là những người đã thực sự nhìn thấy ánh sáng cứu độ. Dấu chỉ đó chính là hệ luận của tình thương mà thánh Yoan nói tới: sự hiệp nhất của cộng đoàn Kitô: "Tất cả anh em hãy đồng tâm hiệp ý với

nhau, và giữa anh em, đừng có chia rẽ; hãy đoàn kết trong cùng một thần trí và cùng một tâm tình" (Tư tưởng này cũng là tư tưởng trọng tâm trong thư thứ nhất Phaolô viết gửi cho giáo đoàn Côrintô mà chúng ta có thể tìm thấy ở nhiều chỗ khác trong thư này). Trong lời mời gọi sống hiệp nhất, Phaolô đưa ra 4 yếu tố:

- "*Tôi thuộc về Phaolô*": hầu hết là những người đứng sau Phaolô.

- "*Tôi thuộc về Apôllô*": một người trở lại được kêu gọi từ Alexandria đã đến Côrintô sau khi Phaolô rời khỏi đó (x. Cv 18:24-19:1). Có thể là một người trong nhóm nguy biện thuyết, người đã tìm thấy nơi Phaolô là một người giảng thuyết nghèo nàn (2 Cr 10:10; 11:6), đã quý chuộng người Alexandria giỏi dang.

- "*Tôi thuộc về Ke-pha*": Dường như chưa bao giờ Phêrô đến thăm cộng đoàn Côrintô; những người Do thái tại Palestine trở lại đã trình bày Phêrô như là "Đá" và có lẽ đã cố gắng thuyết phục một vài thực hành của người Do thái. Cũng chính họ đã thành công trong việc làm cho nhiều người tin theo.

- "*Tôi thuộc về Đức Kitô*": Hầu như là Phaolô đã có ý nói rằng, một vài người đã nại đến Đức Kitô để làm nổi danh họ. Nhưng "Đức Kitô của họ" không phải là Đức Kitô mà Phaolô tuyên xưng. Đối với một giáo đoàn với những phân rẽ như thế, Phaolô đã chất vấn họ: "*Đức Kitô bị phân ly rồi sao?*". Hơn nữa, "*Phaolô, hay Apôllô, hay Kê-pha có thể được so sánh với Đức Kitô sao?*" Kỳ thực, họ chỉ là những dây tó của các Kitô hữu tại Côrintô (2

Cor. 3:22-23), tội tở của Đức Kitô được tín thác cho những mầu nhiệm của Thiên Chúa (2 Cor. 4:1), Đấng đã rao giảng Tin Mừng của Đức Yêsu chịu đóng đinh và rửa tội để được tháp nhập vào phần tử của Thân Thể Người là Giáo Hội.

Như chúng ta biết, nhờ lời giáo huấn của các tông đồ, và nhất là nhờ tác động mãnh liệt của Chúa Thánh Thần mà các giáo đoàn Kitô tiên khởi đã sống yêu thương hiệp nhất với nhau đến mức độ nào. Cho đến nay, họ vẫn là những giáo đoàn gương mẫu nhất trong Giáo hội, và nó càng là gương mẫu cho sự hiệp nhất yêu thương nhau của các gia đình, các giáo xứ, giáo phận, cộng đoàn dòng tu hiện tại. Do đó, Giáo hội kêu gọi sự *"trở về nguồn"*, tức là trở về với tinh thần và tình trạng sống trong đức ái và trong tình hiệp nhất của những ngày đầu tiên của Giáo hội sơ khai.

Lời kêu gọi của Chúa Yêsu trong Phúc âm phải nên như một lời nhắc nhở không ngừng cho mỗi người chúng ta: *"Hãy ăn năn sám hối và tin vào Tin mừng"*. Việc ăn năn sám hối luôn là hành động thứ nhất của cuộc giao hòa với Thiên Chúa và với anh chị em, từ đó dẫn đến sự hiệp nhất yêu thương. Mọi phần tử trong gia đình, hoặc mọi phần tử trong cùng một dòng tu cần phải năng nói *"sorry"*, *"excuse me"* cách chân tình với nhau, để không ngừng tái tạo tình thân thương cho nhau. Thời gian của *"ánh sáng huy hoàng"* đến chính là thời gian của cuộc giao hòa này: quyền lực của bóng tối phải tháo lui, tội lỗi được tha thứ, và tội nhân được quy tụ về với tình bạn của Đức Yêsu.

Trong nghĩa này, các tông đồ đầu tiên được khởi sự đưa vào trong tình thân mật nghĩa thiết với Người, để muôn đời sống trong sự hiệp nhất với Người, trong tình yêu Thiên Chúa. Trước kia, họ, mỗi người mỗi thuyền khác nhau, nhưng từ nay, tất cả họ ngồi vào trong cùng một thuyền với Đức Yêsu. Từ nay, họ không còn đánh cá riêng lẻ nữa, nhưng cùng hợp tác với nhau trong việc "đánh cá người". Ở đây, ý nghĩa của dự kiện không quan trọng, nhưng quan trọng về ý nghĩa thần học tu đức. Đây chính là hình ảnh của tất cả những ai được Đức Yêsu quy tụ để sống trong cùng một "nhà", nhà của một giáo xứ, hay nhà của Giáo hội, và càng là nhà của riêng một gia đình hay một cộng đoàn dòng tu, để họ vừa sống yêu thương nhau, vừa hợp tác với nhau trong mọi công tác. Những người được Thiên Chúa tuyển chọn đều là những cộng sự viên của Thiên Chúa. Họ phải là những người biết cộng tác với những người khác làm việc, chứ không phải chỉ làm việc một mình. Họ là những người luôn sẵn sàng giúp đỡ những người "bạn cùng thuyền" với mình khi cần đến.

Ngoài sự hợp tác với nhau trên công việc, những người được tuyển chọn để sống chung với nhau trong một "nhà", còn phải hiệp thông và gắn bó với nhau trong lời cầu nguyện nữa. Nếu ai chỉ cầu nguyện một mình, người đó sẽ dễ thất bại trong cả việc hoạt động lẫn việc cầu nguyện; họ rất dễ trở nên mệt mỏi và chán nản khi không có ai trong cùng một thuyền cầu nguyện cho họ. Nguồn "support", hỗ trợ tốt nhất cho họ, đó là một "cộng đoàn tín hữu" luôn luôn cầu nguyện với họ và cho họ. Điều quan trọng nhất là, từ khi họ được kêu gọi để bước vào chung

thuyền, họ luôn có Chúa Yêsu trên con thuyền đó. Trên con thuyền này, họ ngày ngày đêm đêm thấp lên ngọn bạch lap, cùng với Thầy mình tụng niệm những lời kinh đêm dâng lên Chúa Cha.

Tinh thần hiệp nhất yêu thương và hợp tác là quan trọng. Người biết yêu thương kẻ khác và hợp tác cách hài hòa với người khác chính là "anh chị em của tôi": Đây chính là **tâm tình sống của người Samaritanô nhân hậu** vậy. Chúng ta cần chuẩn bị để sống tinh thần này cách sâu xa trong thiên kỷ thứ ba đang đến. Muốn được như vậy, chúng ta phải có cái nhìn của Chúa Yêsu nơi người anh em chúng ta trong gia đình, hay trong cộng đoàn. Có cái nhìn đó tức là chúng ta đang sống trong **ánh sáng vĩnh hằng** rồi vậy, vì, Thánh vịnh nói rằng: "*chỉ trong ánh sáng chúng ta mới nhìn thấy ánh sáng*".

Chúng ta hãy cùng nhìn lên Mẹ Maria, để học nơi Mẹ cái nhìn đó, vì Mẹ luôn nhìn tất cả các con cái Mẹ như nhìn chính chi thể của Chúa Yêsu. Nơi mỗi một người, Mẹ nhìn thấy chính Yêsu Con Mẹ.

Lạy Mẹ Maria, xin đưa chúng con đi ngày càng sâu vào trong ánh sáng huy hoàng của Thiên Chúa, và xin Mẹ, Người Mẹ của sự hiệp nhất yêu thương, nối kết mọi phần tử của Giáo hội, cách riêng tất cả mọi phần tử trong gia đình chúng con trong tình yêu Chúa Yêsu Con Mẹ. Xin Mẹ biến mỗi người chúng con nên anh chị em của mọi người. Amen.

2.

Người Samaritanô nhân hậu & Sứ điệp Hiển linh

*"MỞ KHO TÀNG RA, HỌ ĐÃ TIẾN DẰNG NGƯỜI LỄ
VẬT: VÀNG, NHŨ HƯƠNG, VÀ MỘC DƯỢC" (Mt 2.112)*

Sứ điệp lễ Hiển linh

Từ ngữ "*Hiển linh*" còn gọi là "hiển dung" (tiếng Anh: "*Epiphany*") bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "tỏ ra" (manifestation). Trong ngày này, Chúa Yêsu tỏ ra Người là Đấng Cứu thế không chỉ cho người Do thái, nhưng còn cho tất cả mọi người. Thánh Phaolô nói: "*Nhờ Tin Mừng, các dân ngoại được nên đồng thừa tự, đồng một thân thể, và đồng thông phần với lời hứa của Người trong Chúa Yêsu Kitô.*"

Đại lễ này cũng cho chúng ta biết rằng, Chúa Yêsu đã tỏ ra Người là Đấng Cứu thế của mọi người như thế nào, nghĩa là, những gì Người đang làm là để đem lại ơn cứu độ cho muôn dân.

Theo truyền thống từ lâu đời, Ba vua là những người xứ Persia. Nếu đúng vậy, thì họ thuộc đẳng cấp những nhà thông thái của miền Zoroastria, một đẳng phái tin rằng Đấng Messia sẽ đến.

Truyền thống lâu đời đã không đồng ý kiến với nhau về con số: hai, ba, bốn, tám, hay ngay cả mười hai. Nhưng chắc chắn con số ba đã thắng thế vì ba lễ vật, hoặc vì tin rằng họ đại diện cho ba sắc dân: người Semite, Black, Indo-Germanic. Tên đã đi vào truyền thống của nhà đạo sĩ, Melchior, Caspar và Balthazar, đã được tìm thấy trong bản viết tay của một người Ý vào thế kỷ thứ chín.

Cũng theo truyền thống từ lâu đời, Giáo hội nhìn thấy những lễ vật của Ba vua như là những biểu tượng cho sứ mệnh và bản tính của Chúa Yêsu. Vàng dĩ nhiên là loại kim khí quý nhất thời đó. Nó có ý diễn tả giá trị và sự quý báu của con người Đức Kitô; giá trị đó thì vô cùng bởi vì Đức Yêsu chính là Thiên Chúa. Nhũ hương, hay hương, thường được dùng trong việc tế tự, biểu tượng rằng, sau này Đức Yêsu sẽ là một linh mục, Đấng sau này sẽ dạy cho chúng ta biết thờ phượng Thiên Chúa Cha trên trời cách hoàn hảo. Mộc dược xưa kia thường được dùng để ướp xác trước khi mai táng. Nó tượng trưng cho việc sau này Đức Yêsu sẽ thực hiện việc thờ phượng đối với Cha Người như thế nào, nghĩa là bằng việc hy sinh, bằng việc tự hiến chính đời sống Người như là một nạn nhân.

Như thế, lễ Hiến linh không chủ yếu diễn tả Đức Yêsu là người nhận quà từ các nhà đạo sĩ, nhưng chủ ý diễn tả chính Người là món quà quý giá nhất đối với Cha Người trong việc thờ phượng. Người là Đấng sau này sẽ cứu tất cả mọi người bằng việc hiến dâng chính mình. Vì vậy, việc chúng ta lo lắng lấy gì để dâng cho Chúa Hải đồng khi Người đến là việc quan trọng, nhưng việc quan trọng hơn là, khi Người đến, chúng ta có biết đón nhận chính Người, món quà quý giá nhất không.

Có một bản thánh ca Giáng sinh bằng tiếng Hoa rất hay đã ít nhiều gợi hứng cho tâm hồn tôi trong mùa Giáng đầu tiên tôi sống trên mảnh đất Đài loan, đã khéo léo diễn tả món quà tuyệt vời nhất đó như sau:

Có một món quà, không biết bạn đã đón nhận được chưa, một món quà, mắt bạn nhìn không thấy, nhưng con tim bạn có thể nhận biết. Món quà này, ngoài cửa lòng chờ đợi, vì bạn mà chuẩn bị, kẻ khác không thể đón nhận được.

Đời sống, thời gian có giới hạn, tất đều có thể qua đi, nếu bạn không coi là quý, cơ hội khó mà giữ lại. Món quà quý mặc lòng, nhưng nếu bạn không muốn, làm sao bạn có thể, làm sao bạn có thể đón nhận được!

Bạn thân yêu, phải chăng bạn từ chối nghĩ rằng Hải nhi trong máng cỏ đã vì bạn mà đến? Bạn thân yêu, bạn có hiểu rằng món quà tuyệt vời nhất là Con Người, Yêsu không?

Nhà đạo sĩ thứ tư

Một văn sĩ Anh kể một câu chuyện như sau: Khi Đấng Cứu thế sinh ra, ngoài ba nhà đạo sĩ được ghi lại trong Tin mừng, còn có một Nhà đạo sĩ thứ tư nữa, cũng đến từ phương Đông đi tìm Đấng Cứu thế. Dù biết đã chậm bước chân hơn Ba nhà đạo sĩ kia, nhưng nhà đạo sĩ thứ tư cũng khăn gói lên đường. Lễ vật ông mang theo để tiến dâng Đấng Cứu thế là ba viên ngọc quý: một viên lam ngọc, một viên hồng ngọc và một viên bạch ngọc.

Vừa khởi hành, ngôi sao lạ kia cũng đã xuất hiện và hướng dẫn ông. Đi được một quãng khá xa, nhà đạo sĩ thứ tư mục kích một cảnh dân chúng chạy hỗn loạn, trong đó, một mặt những bà mẹ ôm con thơ chạy tắt tuổi trong lo sợ, một mặt những người lính đi lùng bắt giết những trẻ em vô tội. Khi chợt nhìn thấy có một người lính nọ rút gươm ra toan giết một em bé, ông liền vội chạy đến chỗ người lính đó, rút ra viên lam ngọc, đoạn dúi vào tay người lính đó, và nói: *"Xin anh ngừng tay cho!"* Người lính đồng ý trong thinh lặng, trút gươm vào vỏ, đoạn biến đi...

Nhiều ngày đường sau, đến một nơi thanh vắng nọ, nhà đạo sĩ thứ tư chợt chứng kiến một cảnh tượng khác: Một người vừa bị đánh trọng thương vắt bên đường. Ông động lòng thương, xuống khỏi lưng lạc đà, băng bó lại vết thương cho nạn nhân, vực nạn nhân lên lưng lạc đà, đoạn đưa nạn nhân vào một quán trọ và nói với người chủ quán: *"Tôi xin đưa cho ông viên hồng ngọc này, để nhờ ông săn sóc nạn nhân hộ. Khi trở về, còn thiếu bao nhiêu, tôi sẽ trả."*

Xong một công tác, nhà đạo sĩ thứ tư tiếp tục lên đường, và ngôi sao lạ tiếp tục hướng dẫn ông. Ông khởi sự lên đường đi tìm Chúa chỉ hơi trễ một chút, thế mà đường đi nay đã trở nên như cả một đoạn trường! Đi đến đâu, ông đều thấy cảnh đói nghèo, đau khổ tới đó. Viên bạch ngọc, phần lễ vật quý giá nhất còn lại, ông đành phải đem bán đi để lấy tiền giúp đỡ, bố thí cho những người nghèo đói, đau khổ đó.

Thời gian trôi nhanh. Chẳng bao lâu, tuổi đời Nhà đạo sĩ thứ tư đã về chiều. Dù lưng ông đã không còn thẳng như xưa, nhưng ông vẫn tiếp tục miệt mài cuộc hành trình đi tìm Chúa.

Một hôm kia, từ xa, ông thấy có một đám rước đông người. Giữa đám rước là một người đang lom khom vác một cây thập giá to. Nhà đạo sĩ thứ tư tiến lại gần xem cho biết sự thể. Tiến vào giữa đám đông, ông nhận ra người đang lom khom vác thập giá đó chính là Đấng Cứu thế. Chạy vội lại, ông thưa với Người: *"Lạy Ngài, con đến quá trễ, không đỡ cho Ngài được gì cả!"* Nhưng Người vác thập giá trả lời: *"Không, không trễ đâu con! Vì lần con bảo vệ cho một trẻ thơ vô tội khỏi guom Hêrôđê, là lần con bảo vệ chính Ta; và lần con băng bó vết thương cho nạn nhân bị đánh trọng thương vấp bên đường, là lần con băng bó vết thương cho chính Ta; và còn bao nhiêu lần con đem của cải phân phát cho người nghèo khổ, là bấy nhiêu lần con tặng lễ vật của lòng con cho chính Ta. Như thế, tất cả mọi lễ vật con có ý trao tặng cho Ta, Ta đã đều nhận được!"*

Bạn thân mến, biến cố Chúa Hiển linh đã đến với nhân loại như một màu nhiệm của tình yêu Thiên Chúa, qua đó, Thiên Chúa tỏ mình cho nhân loại, đặc biệt là cho dân ngoại. Ba Vua là đại diện cho dân ngoại đã nhìn thấy thứ "ánh sáng vĩnh hằng diệu huyền" tại Bê-lem. Ngoài Ba Vua ra, còn biết bao nhiêu "người ngoại đạo" khác cũng đã nhìn thấy thứ ánh sáng ấy. Giả như người Samaritanô nhân hậu, một người ngoại đạo, là một nhân vật có thật, anh ta cũng được liệt vào số những người dân ngoại này. Khi kể câu chuyện dụ ngôn, rất có thể Đức Yêsu đã có ý mượn nhân vật "người Samaritanô nhân hậu" để làm người thay mặt cho khối dân ngoại được tuyển chọn vào con đường tình yêu của Thiên Chúa.

Tương cũng nên nói thêm rằng, trên hành trình đi tìm Chúa, mỗi người chúng ta cũng được ví như một nhà đạo sĩ thứ tư vậy. Trên hành trình này, xưa kia, Ba vua, và cả "nhà đạo sĩ thứ tư" tất đều đã gặp được Đấng Cứu thế, là nhờ tấm lòng thành, và nhờ sự hướng dẫn của ngôi sao lạ.

Trên hành trình đi tìm Chúa ngày nay, để có thể gặp được Đấng Cứu thế, chúng ta cũng cần phải có tấm lòng thiện ngay, và chúng ta cũng cần có một ngôi sao thiêng liêng dẫn đường chỉ lối. Ngôi sao thiêng liêng dẫn đường chỉ lối này chính là Mẹ Maria, Đấng đã làm Mẹ và hạ sinh Đấng Cứu thế. Tôi đã diễn tả tâm tình này cách cô đọng trong bản thánh ca tôi viết vào năm 1977 dưới tựa đề "*Mẹ là vì sao*":

** Giữa lúc đêm lạnh mùa đông cực thánh, lúc ấy Ngôi Lời vừa mới sinh ra... Trên không trung, trên không trung, ngôi sao kia soi lối cho Ba người trời Đông. Tiến bước trên đường cùng đi*

tìm Chúa, kính tiến mộc được, vàng với nhũ hương... Trên không trung, trên không trung, ngôi sao kia đưa bước cho Ba người tìm đến...

** Có những đêm trường hồn con tìm Chúa, ngược mắt lên Mẹ nhìn ánh Sao đêm - Maria, Maria, Maria như ánh Sao rạng ngời, Mẹ ơi! Có những đêm trường hồn con lạc hướng, ngược mắt lên Mẹ nhìn mãi không thôi ...Maria, Maria Maria như ánh Sao chỉ đường đường đời con!*

** Một vì sao sáng trong đêm u tối soi lối Ba Vua tìm đường đến Chúa trong đêm rất thánh với tấm lòng thanh... Mẹ là Vì Sao trong đêm u tối soi lối cho con tìm đường đến Chúa trong muôn nguy khó vẫn luôn yên lòng.*

3.

Người Samaritanô nhân hậu & Hiến chương Nước Trời

*'PHÚC THAY AI HAY THƯƠNG XÓT NGƯỜI,
VÌ HỌ SẼ ĐƯỢC THIÊN CHÚA XÓT THƯƠNG'*

(Mt 5:7)

Mở đầu đoạn Phúc âm nói về bản Hiến chương Nước Trời, Đức Yêsu nói rằng: *"Thấy dân chúng từ các nơi kéo về đông đảo, Đức Yêsu lên một ngọn núi. Khi Người ngồi xuống, thì các môn đệ đến gần bên. Người lên tiếng dạy họ rằng:..."*.

Đối với dân chúng mà Người còn dẫn lên núi thánh để dạy dỗ về sự phúc lành phương chi là chính các tông đồ, những người được Người chọn một cách đặc biệt !.. Theo

nghĩa hình ảnh, ngày ngày, rất thường, các tông đồ của Người đều được Người dẫn lên núi để dạy họ "*Bài học trên núi*", bài học thường được gọi là "*Hiến chương Nước Trời*".

Đời sống Kitô hữu của chúng ta, theo nghĩa hình ảnh, cũng là một đời sống trên núi thánh, để ngày ngày được Thầy mình dạy bảo về Hiến chương của Nước Trời. Trên núi thánh này, tất cả các cộng đoàn Kitô được xây lên, đứng sừng sững như những "*Chân phúc viện*", viện của những người có phúc. Do đó, là "thành viên của chân phúc viện", chúng ta phải am tường và thực thi bản Hiến chương đó.

Trên thực tế, chắc chắn Đức Yêsu không giảng một bài nhiều vấn đề nặng ký như vậy đâu, nhưng Người đã giảng làm nhiều lần, mỗi lần một chủ đề khác nhau. Nhưng thánh Matthêu, với đầu óc mang tính chất trật tự, hệ thống của một nhà thu thuế, đã xếp lại thành một bài giảng duy nhất, do đó, càng tăng thêm tầm quan trọng cho bài giảng này. Chúng ta hãy đi từng mối phúc một.

+ **PHÚC**: điều may lành, tốt đẹp. Nhưng điều phúc của con người trần gian thì không trọn vẹn và dễ hư mất, nên người Kitô-hữu chọn cho mình một con đường hạnh phúc trọn vẹn.

* **Tâm hồn nghèo khó**: Người Kitô-hữu của ngàn năm Kitô thứ ba phải sống tinh thần nghèo khó để thể hiện mình là một thành viên trong "chân phúc viện". Họ ý thức và chọn Chúa là tất cả, còn họ là hư không. Họ muốn thuộc về Thiên Chúa hoàn toàn. Họ muốn như thánh

Yoan Thánh giá, trở nên thụ động để Thiên Chúa trở thành hoạt động trong họ hoàn toàn: Họ ý thức họ nghèo tài lực, nghèo năng lực, nghèo trí lực, nghèo tất cả... - Người Samaritanô nhân hậu là một mẫu gương của sự nghèo khó: anh đã hy sinh của cải, thời giờ, tâm trí, sức lực cho nạn nhân như cho một người anh em.

* *Hiền lành*: Người Kitô-hữu của ngàn năm Kitô thứ ba không phải là người nhút nhát, ương hèn, nhưng can đảm, mau mắn trong mọi công việc hướng về tha nhân. Hiền lành ở đây là một nhân đức. Hiền ở đây không phải là "hiền như bột", nhưng "hiền như Thiên Chúa", Đáng "hiền lành và khiêm nhường trong lòng". Sự hiền lành này là một năng lực tinh thần và ý chí sáng suốt trước mọi việc, nhưng luôn giữ được sự an bình cho tâm hồn mình, và đạt nhiều kết quả tốt đẹp. Phải có đức can đảm mới có đức hiền lành. - Có ai nói người Samaritanô nhân hậu kia không phải là một người hiền lành?

* *Đau buồn*: Người Kitô-hữu của ngàn Kitô thứ ba cảm thấy đau buồn vì, nhờ phản tỉnh, nhận thấy mình là người tội lỗi, còn nhiều bất toàn, nhưng luôn biết tin tưởng vào Chúa để nỗ lực tu sửa mỗi ngày mỗi nên hoàn thiện hơn. Người Kitô-hữu cũng đau buồn vì những hiểu lầm, thiếu thông cảm trong đời sống gia đình hay cộng đoàn, nhưng tin rằng Chúa luôn an ủi mình, vì mình được hiệp thông với những đau buồn của Chúa, được sống gần bó với Chúa nhiều hơn. - Đức Yêsu đã ca tụng sự cực nhọc trong việc săn sóc nạn nhân của đôi tay người Samaritanô nhân hậu. Sự cực nhọc này sẽ đem lại hạnh phúc cho anh ta sau này.

*** *Đói khát điều công chính:*** Do khao khát sự công chính mà người Kitô-hữu của ngàn năm Kitô thứ ba mới tiếp tục sống trong "chân phúc viện". Nhưng một cách tích cực hơn, trong đời sống đức tin, càng ngày họ sẽ càng nhìn thấy đói và khát sự công chính, do đó, họ càng được no thỏa khi đón nhận sự công chính đến từ người Bạn Tâm giao của mình ban cho họ trong từng ngày sống trong chân phúc viện. Sự công chính là một loại thức ăn chính ("main dish") trong đời sống họ, càng ăn càng thấy đói thấy khát loại lương thực này. - Hành động xuống ngựa của người Samaritanô nhân hậu là một hành động chống lại, dù tiêu cực, sự bất công của xã hội. Rõ ràng anh ta là một người "đói khát sự công chính".

*** *Hay thương xót người:*** Lý tưởng người Kitô hữu của ngàn năm Kitô thứ ba là làm việc bác ái. Người Kitô hữu chân chính chắc chắn luôn tìm thấy được niềm an ủi, được yêu, được xót thương, vì mình cùng với Đức Yêsu đi xót thương kẻ khác, xoa dịu những "vết thương vẫn còn đó" của người khác. Ngay cả những vị chân tu trong những chân phúc viện kín cổng cao tường, cũng đều có những người anh / chị em ngay trong chân phúc viện của mình để xót thương; và ngay cả họ, như Têrêxa bé nhỏ, cũng giàu lòng xót thương trong tâm tình và ý thức qua những lời kinh đêm, qua những việc tầm thường với lòng mến sâu thẳm, qua những chịu đựng trong đời sống thường nhật với Đức Yêsu Tử nạn. - Người Kitô hữu cần noi theo tấm gương sống động và cụ thể của người Samaritanô nhân hậu.

*** *Có lòng trong sạch:*** Đức khiết tịnh trong đời sống tu trì, một trong ba lời khấn, như là đỉnh cao của đời sống trong sạch của con người. Đời sống hôn nhân vẫn có đức trong sạch trong bậc sống của mình. Mỗi người, trong bậc sống của mình, hiến dâng những hy sinh về tính dục lên Thiên Chúa, Đấng tạo dựng nên mình. Sự hy sinh cao cả, tình yêu cao quý của họ được diễn tả rất minh bạch trong đời sống trong sạch, trong thân xác và trong tâm trí của họ trong từng bậc sống. - Nói được rằng, người Samaritanô nhân hậu dừng lại cứu nạn nhân, vì anh ta nhìn thấy hình ảnh Thiên Chúa nơi nạn nhân. Điều đó chứng tỏ anh ta là một người có tâm hồn trong sạch.

*** *Ăn ở thuận hòa:*** Có người gọi là "*xây dựng hòa bình*": Cả hai đều hay. Phải, người Kitô-hữu của ngàn năm Kitô thứ ba phải là những người chuyên nghiệp trong việc đi xây dựng hòa bình trong cộng đồng nhân loại. Dù không thể có chuyện mọi Kitô-hữu đều có thể lãnh nhận giải Hòa bình Nobel, nhưng họ phải cố gắng sống thế nào để tất cả đều có thể xứng đáng được Thiên Chúa cấp cho "Giải hòa bình Nobel của Nước trời". Muốn thế, trước hết, họ phải biết "ăn ở thuận hòa" với anh / chị em trong gia đình mình, cộng đoàn mình. - Chúng ta có thể nghĩ rằng, người Samaritanô nhân hậu rất xứng đáng để lãnh nhận giải hòa bình của Nước Trời".

*** *Bị bách hại vì lẽ công chính:*** Không phải chỉ trong xã hội cộng sản mới có bách hại, nhưng trong bất cứ một xã hội nào cũng có sự bách hại dưới nhiều hình thức khác nhau, vì sự bất công và quyền lực của bóng tối hiện diện ở khắp nơi. Do đó, nếu thấy "bị anh/ chị-em bách hại" mình,

ghen ghét mình, hãy xác tín rằng, vẫn còn Thiên Chúa thương mình, yêu mình.

MARIA, MẸ ĐẦY PHÚC

Chúng ta hẳn không thể quên được lời đầu tiên Thiên Chúa nói với cô Maria qua sứ thần Gabriel: "*Kính chào Bà đầy ân phúc. Bà có phúc hơn mọi người phụ nữ.*" Tám mối **phúc** được nhắc lại trong bài Phúc âm được thể hiện đầy đủ nhất trong con người "*đầy ơn phúc*" này:

- Hỏi rằng có ai có tinh thần nghèo khó cho bằng người thiếu nữ nhỏ bé đã tự hiến cuộc đời mình cho Thiên Chúa từ khi lên ba để trở nên "vô sản", hầu trọn thuộc về Thiên Chúa, rồi sau đó trở thành Người Mẹ không có chỗ trọ qua đêm để sinh Con, "Đấng sau này không có chỗ gối đầu"?

- Hỏi rằng có ai hiền lành cho bằng Người đã sinh ra Đấng đã nói, "Anh em hãy học cùng Ta, vì Ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng?"

- Hỏi rằng có ai là người đã đau buồn cho bằng Đấng đồng công cứu chuộc, Đấng được Giáo hội tuyên xưng là "Đức Mẹ sầu bi"?

- Hỏi rằng có ai có một tấm lòng khao khát sự công chính, Mặt Trời công chính cho bằng Đấng sinh ra Mặt Trời công chính, nhất là trong thời gian mùa vọng của thời Cựu ước?

- Hỏi rằng có ai hay thương xót người cho bằng Đấng mà Giáo Hội hằng tuyên xưng là "Đức Mẹ có lòng khoan nhân"?

- Hỏi rằng có ai trong sạch cho bằng "Đấng Vô nhiễm Nguyên tội", một mệnh đề của một tín điều trong Giáo hội Công giáo?

- Hỏi rằng có ai sống thuận hòa yêu thương anh em cho bằng Mẹ của Tình yêu giáng trần?

- Hỏi rằng có ai bị bách hại vì lẽ công chính cho bằng Mẹ của sự công chính, Đức Yêsu, Đấng đã chịu treo trên thập giá vì chính mình là sự công chính, và vì Mẹ mình là Đấng đồng công cứu chuộc, Người đứng dưới chân thập tự để đón nhận lưỡi gươm sắc của sự bách hại?

Chúng ta hãy cùng nhau xin Mẹ Maria không ngừng dạy chúng ta trong ngàn năm Kitô thứ ba biết tuân giữ bản hiến pháp của "Chân phúc viện" mà Chúa đã ban ra cho chúng ta.

4.

Người Samaritanô nhân hậu: Một họa ảnh của muối đất & Ảnh sáng

*"NẾU MUỐI ĐÃ LẠT,
NGƯỜI TA BIẾT LẤY GÌ MÀ UỚP CHO MẶN LẠI"
(Mt 5:5)*

Muối đất

Vào trung tuần tháng 11/95, Đức Tổng Giám mục Crescenzo Sepe của Thánh bộ Giáo sĩ đã cho biết, trong hai thập niên 1973-1993, có khoảng 14.000 linh mục Công giáo trên thế giới hồi tục, quá nửa số đó thuộc vùng Âu châu và Bắc Mỹ.

Chúng ta rất hiểu rằng mình phải thông cảm và thương xót những yếu đuối của con người, nếu các vị linh mục đó

vì bản tính yếu đuối làm cho các ngài sa ngã - mặc dù yếu đuối con người không phải là lý do duy nhất làm cho các ngài hồi tục - , nhưng chính dự kiện linh mục hồi tục vì bất cứ lý do gì vẫn luôn luôn là một điều đau buồn cho chúng ta, đồng thời, phần nào càng làm cho sự khan hiếm linh mục của Giáo hội gia tăng. Lời Chúa Yêsu luôn luôn đúng: *"Lúa chín đầy đồng mà thợ gặt thì ít"*, ít ngay cả trên những Giáo hội có tỷ lệ Công giáo cao nhất trên tổng số nhân khẩu, như Giáo hội tại các nước Châu Mỹ Latinh, Phi-luật tân, Ba-lan (khoảng từ 80-90%), hoặc ngay cả trên những Giáo hội có tỷ lệ ơn gọi tu trì cao trên tổng số giáo dân như Ba-tây (Brazil), Việt nam, Đại hàn... Đó là về lượng.

Về phẩm hiện nay cũng là một vấn đề lớn, nhất là tại các Giáo hội châu Âu. Tỉ như, nhìn vào sinh hoạt của khoảng 43% Công giáo trên tổng số dân, nhưng tỷ lệ đi dự lễ Chúa nhật rất thấp. Riêng tại Pháp chỉ có khoảng 12% đi dự lễ Chúa nhật, 2,5% giới trẻ đi dự lễ Chúa nhật. Dự kiện đó phần nào làm cho chúng ta thấy được "phẩm chất đức tin" của người Kitô tại Giáo hội này thế nào, để có thể suy đến giới tu trì...

Một Vị Giám mục Canada nói: *"Tôi có thể cầm cả triệu bạc trong tay, nhưng chưa chắc gì tôi có thể dùng số tiền đó để mua được một ơn gọi tu trì."* Nhưng một Vị Giám mục Việt nam nói một lời khác cũng có lý: *"Giữa hai đàng: linh mục ít nhưng có chất lượng, và linh mục nhiều mà không có chất lượng, tôi chọn cái thứ nhất"*. Ý của ngài dựa vào lời của Chúa Yêsu: *"Các con là muối đất. Nếu muối đã lạt rồi, người ta biết lấy gì mà ướp cho"*

mặn lại? Muối đó không còn sử dụng được vào việc gì nữa, chỉ còn ném ra ngoài cho người ta chà đạp lên nó." Ý nghĩa này không những chỉ áp dụng trong giới tu trì, nhưng còn cho cả giáo dân nữa, những người được Chúa kêu gọi trở nên muối cho thế gian.

Ánh sáng thế gian

Cách đây không lâu, Tòa Thánh đã tái nhấn mạnh rằng, các linh mục khắp nơi trên thế giới phải mặc tu phục, và các Giám mục địa phương phải ra lệnh cho các linh mục của mình giữ luật này. Thực ra, Tòa thánh đã có lệnh trực tiếp về việc nói trên qua sắc chỉ về "đời sống thánh vụ của các linh mục vào năm 1994"; nhưng nhiều nơi đã không nghiêm chỉnh thi hành luật này. Tháng 11/95, Hội đồng Giáo hoàng về việc giải thích giáo luật đã nêu rõ rằng, luật điều về tu phục không những chỉ đơn thuần có tác dụng khuyến khích, nhưng còn thực sự là một khoản trong giáo luật, buộc mọi linh mục phải tuân theo.

Luật nêu trên của tòa thánh tuy chỉ nhằm áp dụng cho các linh mục, nhưng, thiết tưởng, tinh thần của lề luật cũng được áp dụng đối với các tu sĩ, vì cách chung, Đức Yoaan Phaolô II nói, chiếc tu phục góp phần vào việc làm rõ nét hơn dấu chỉ của Nước Trời nơi người tu-hành. Lý do căn bản của vấn đề là: con người có hồn, nhưng cũng có xác; có nội tâm, nhưng cũng có ngoại giới. Giáo hội cũng thế, là Giáo hội vô hình, nhưng cũng là Giáo hội hữu hình. Theo ngôn từ Đức Yêsu, chúng ta có thể nói rằng, mỗi người chúng ta phải nên như *ánh sáng cho muôn dân*. Kitô hữu là một Kitô khác, nghĩa là người phải trở thành

ánh sáng y như ánh sáng của Chúa Kitô, là "ánh sáng bởi ánh sáng", mặc dù trong thời gian tại thế chúng ta chưa có thể hoàn toàn trở nên thứ ánh sáng đó. Khi trở thành sự sáng thế gian qua bí tích rửa tội và nhờ các ơn thánh sung Thiên Chúa ban qua Giáo hội, chúng ta nên như một ngọn đèn sáng, và, chúng ta có thể ví chiếc tu phục của người tu-sĩ như là cái chóa đèn để làm tăng cường độ của ánh sáng. Cũng có thể nói, chiếc "chóa đèn" này có khi lại còn trở thành như dụng cụ bảo vệ cho "cái đèn" được an toàn.

Không những đối với giới tu sĩ, nhưng đối với người Kitô hữu cách chung, hành vi yêu thương nhau luôn luôn là dấu chỉ của ánh sáng, để qua đó, thế gian nhận biết chúng ta là môn đệ của Thầy Chí Thánh.

Đức Yêsu đã dạy chúng ta trong Phúc âm: *"Các con là sự sáng thế gian. Một thành phố xây dựng trên núi, không thể che dấu được. Và người ta cũng không tắt đèn rồi để dưới đáy thùng, nhưng đặt nó trên giá đèn, hầu soi sáng cho mọi người trong nhà."* Chữ "nhà" ở đây cũng tiếp tục được hiểu là cộng đoàn Kitô nói chung, hay gia đình, cộng đoàn dòng tu nói riêng. Niềm vui và ánh sáng có chung một kiểu tác dụng trong đời sống của những người chung sống dưới cùng một mái "nhà": nếu nó hiện diện, nó đều tỏa lan ra cho cả nhà, và biến đổi đời sống của mọi người trong nhà, cũng như biến đổi từng cá nhân trong "nhà" nên tốt hơn, hạnh phúc hơn, có một đời sống thoải mái, yêu đời, yêu Chúa hơn, và từ đó, niềm vui và ánh sáng mới có thể dần dần *"chiếu giãi ra trước mặt thiên hạ"*, để họ cùng với chúng ta *"ngợi khen Cha chúng ta trên trời."*

Một Kitô-hữu nên muối, nên nên ánh sáng cho đời, là một Kitô hữu luôn biết xả thân phục vụ anh chị em mình, luôn biết làm việc lành phúc đức không biết mệt mỏi. Trong ý nghĩa này, có thể nói, người Samaritanô nhân hậu cũng là một họa ảnh nào đó cho người Kitô-hữu chúng ta.

LỜI NGUYỆN

Lạy Chúa Thánh Thần, chúng con biết rằng, còn gần ba phần tư số người trên mặt đất này chưa nhận biết được ánh sáng vĩnh cửu, vì chưa có những ngọn đèn được thắp sáng trên nhiều phần đất. On gọi vẫn thiếu trầm trọng. Xin Chúa luôn đánh động tâm hồn nhiều bạn trẻ sẵn sàng ra đi đáp lại tiếng mời gọi của Chúa, để đem ánh sáng đến cho những phần đất đó.

Phần chúng con, lạy Chúa, Ánh sáng cứu độ, chúng con cảm tạ Chúa đã kêu gọi và đã chọn chúng con nên thứ ánh sáng đặc biệt cho lương dân, những người còn đang ngồi trong bóng tối u minh của trần thế. Chúa cũng đã chọn chúng con nên như 'ánh sáng' chiếu soi cộng đồng nhân loại, đặc biệt tại những nơi Chúa muốn đặt để chúng con, xin Chúa luôn sống trong chúng con, để biến chúng con nên muối men thật và ánh sáng thật cho đời. Chúng con muốn đời ngợi khen tình thương Chúa vì đã dành tình thương yêu đặc biệt cho chúng con, cho chúng con trở thành những dụng cụ của Chúa. Nhưng chúng con luôn ý thức rằng, thế giới của ngàn năm Ki-tô thứ ba này đang cần đến chứng nhân của Chúa không những chỉ về lượng mà còn về phẩm nữa. Do đó, một khi Chúa đã chọn chúng con, xin Chúa không ngừng gọt dũa chúng con nên những dụng cụ thật sắc bén của Chúa, thực sự mưu ích cho công cuộc cứu độ của Chúa, mặc dù chúng con luôn luôn

bất xứng. Xin Chúa đừng để chúng con trở thành thứ muối bị người ta dầy đạp dưới chân...

Lạy Mẹ Maria, Đấng đã cùng với thánh Yuse thấp lèn ngọn bạch lạp hữu hình trong hang đá Bê-lem, để ánh sáng vô hình có thể chiếu sáng trên muôn dân. Xin Mẹ luôn đem ánh sáng đó đến cho chúng con, thấp bùng sáng thứ ánh sáng vô hình ấy lên trong tâm hồn chúng con, biến chúng con thành những tông đồ nhiệt thành, những 'Kị-tô-hữu thứ thiệt' của thời đại hôm nay, hầu những người chung quanh chúng con cũng được nhìn thấy ánh sáng cứu độ của Chúa. A-men.

5.

Chiếc bông hồng của người Samaritanô nhân hậu

*'NẾU CÁC CON KHÔNG CÔNG CHÍNH
HƠN NHỮNG NGƯỜI BIỆT PHÁI VÀ LUẬT SĨ,
THÌ CÁC CON CHẴNG ĐƯỢC VÀO NƯỚC TRỜI ĐẤU'*
(Mt 5: 19).

René Marie Rayon, một thi sĩ nổi tiếng người Áo, qua đời năm 1926, đã sống nhiều năm tại Paris. Lúc sinh tiền, vào mỗi buổi chiều, khi tản bộ qua các thành phố trong vùng ông sinh sống, ông thường trông thấy một người đàn bà ăn xin ngồi bên vệ đường, để đón nhận những đồng xu nhỏ của khách qua đường bố thí cho. Mỗi lần nhận của bố thí, bà đã không để lộ ra một cử chỉ biết ơn nào.

Một ngày kia, thi sĩ Rayon và người bạn gái cùng sánh vai rảo bước trên con đường ấy. Người bạn gái rất đổi ngạc nhiên, bởi vì mặc cho người hành khất chìa tay van xin, ông vẫn không hề bố thí cho bà lấy một đồng xu keng. Đoán được thắc mắc của cô bạn, thi sĩ giải thích: *'Nếu chúng ta có trao quà tặng cho bà ta, thì hãy trao tặng vào quả tim hơn là trao tặng vào lòng bàn tay của bà'.*

Vài ngày sau, thi sĩ cùng cô bạn gái lại đi dạo qua ngã phố ấy. Đến một cửa hàng bán hoa, ông dừng lại mua một cánh hoa hồng. Người bạn gái của ông nghĩ ngay rằng, đó là cánh hoa mà thi sĩ sẽ dành cho cô. Thế nhưng, thay vì trao cánh hoa vào tay cô bạn, thi sĩ đã đến với người đàn bà hành khất kia, trịnh trọng đặt nhẹ chiếc hoa hồng vào tay bà. Đôi mắt gần như bất động của người hành khất bỗng sáng lên. Đoạn bà đứng thẳng dậy, chụp lấy bàn tay của thi sĩ và hôn lấy hôn để như muốn tỏ lòng biết ơn. Bà sung sướng áp cánh hồng vào ngực, vội vã rời bỏ chỗ ngồi quen thuộc ấy, đi mất tuốt, và không ai biết bà đi đâu...

Một tuần lễ sau, người đàn bà hành khất tới lại chỗ cũ. Thi sĩ Rayon giải thích cho người bạn gái của ông như sau: *'Trong suốt tuần lễ qua, người đàn bà hành khất này sống bằng chính cánh hoa hồng ấy. Bà cần một chút tình thương hơn là vô số những đồng xu bố thí kia...'*



Sự trao ban chỉ có giá trị khi nó được làm trong ý thức của sự trao ban. Đây là điều cốt yếu mà các luật sĩ và biệt

phái không có, vì họ chỉ sống theo hình thức của lề luật, ngay cả lề luật của tình yêu thương.

Giáo lý của Chúa Yêsu luôn quy hướng về tinh thần hiến dâng mà người Kitô hữu chúng ta phải có. Để đạt được lý tưởng hiến dâng, để đạt được hạnh phúc vĩnh cửu, không phải chúng ta chỉ làm một số luật điều 1, 2, 3,... nhưng phải tuân giữ toàn bộ tinh thần của luật yêu thương được quảng diễn trong toàn bộ Kinh Thánh, Tân lẫn Cựu ước. - Chúa Yêsu nói: *"Ai hủy bỏ một trong những điều nhỏ mọn nhất, và dạy người khác làm như vậy, sẽ được kể là người nhỏ nhất trong Nước Trời; trái lại, ai giữ và dạy người ta giữ những điều đó, sẽ được kể là người cao cả trong Nước Trời."* Ngay sau đó, Người nói: *"Nếu các con không công chính hơn các luật sĩ và biệt phái, thì các con chẳng được vào Nước Trời đâu"*, bởi vì giữ từng dấu chấm dấu phẩy trong bộ luật mà tâm hồn không đặt vào trong đó thì cũng bằng không.

Nếu nói giữ luật bác ái là cho ai đó là một cái gì thừa thãi, đồ cũ, hay ngay cả đồ mới không cần dùng nữa, thì quá dễ. Nhưng bác ái "thứ thiệt", trước hết là một hành vi cho đi những gì *quý* hơn những thứ trên; tiếp đến, bác ái phải là một hành động trao ban được thực hiện với tất cả con tim của mình. Nguyên tắc này áp dụng cho cả người tu sĩ lẫn giáo dân. Nhiều khi dấu số lượng cho đi của chúng ta có thể ít về số lượng, nhưng nếu chúng ta biết cho đi với hết con tim của chúng ta, có thể nói, số lượng đó sẽ như tăng lên gấp bội. Phải, nếu chúng ta hoàn toàn trao hết con tim của chúng ta cho Yê-su, đối tượng của tình yêu, và là Người yêu, hiệu quả của hành vi cho đi của

chúng ta sẽ khác hẳn. Chưa hết, cường độ cho đi của con tim chúng ta sẽ trở thành mạnh mẽ hơn, nồng nhiệt hơn, khi chúng ta biết quy hướng trọn vẹn cuộc sống chúng ta trong ý thức cho Thiên Chúa, vừa về khả năng của chính con tim, vừa về thời gian (hết lòng và vĩnh viễn cho đi), bởi lẽ tình yêu của chúng ta muốn tập trung vào một điểm duy nhất là Thiên Chúa. Trong ý nghĩa này, xét theo bản chất, sự cho đi của đời sống tu trì có một giá trị cao hơn sự cho đi của đời sống hôn nhân. Thánh Phaolô đã giải thích cho chúng ta:

"Đàn ông không có vợ thì chuyên lo việc Chúa: Họ tìm cách làm đẹp lòng Người. Còn người có vợ thì lo lắng việc đời: họ tìm cách làm đẹp lòng vợ, thế là họ bị chia đôi. Cũng vậy, đàn bà không có chồng và người trinh nữ thì chuyên lo việc Chúa, để thuộc trọn về Người cả hồn lẫn xác. Còn người có chồng thì lo lắng việc đời: họ tìm cách làm đẹp lòng chồng. Tôi nói thế là để mong tìm ích lợi cho anh chị em, tôi không có ý gài bẫy anh chị em đâu, nhưng chỉ muốn đề nghị với anh chị em một điều tốt, để anh chị em được gắn bó cùng Chúa mà không bị giằng co." (1 Cr 7:32-35)

Bởi vậy, thi sĩ Rayon đã có lý khi nói với cô bạn của mình: "Nếu chúng ta có trao tặng cho người đàn bà hành khát đó, thì hãy trao tặng vào quả tim hơn là vào lòng bàn tay của bà".

Trên hành trình đức tin của chúng ta, hằng ngày, chúng ta gặp biết bao nhiêu người hành khát về vật chất, về tinh thần, nhất là về tình thương. Chúng ta cùng nhau bắt chước thi sĩ ấy, để trao tặng cho mỗi người anh chị em hành khát đó một chiếc bông hồng. Mỗi lần làm như thế,

là mỗi lần chúng ta trao tặng cho Yêsu một cánh hồng cuộc đời hiến tế vậy.

Nghĩa cử của người Samaritanô nhân hậu trong câu chuyện dụ ngôn quả là một hành vi cho đi không hề nuôi tiếc. "Người anh em lương dân" này đã sống đúng điều Thầy Yêsu dạy các môn đệ của Người. Thật vậy, trong khi những người biệt phái và luật sĩ, kể cả thầy tư tế và thầy Lê-vi trong câu chuyện dụ ngôn chỉ làm những việc lành phúc đức ở những nơi công hội đông người, để cố ý cho người ta xem thấy, "người anh em lương dân" này đã làm một nghĩa cử cao đẹp chỉ trong âm thầm, giữa nơi thanh vắng - thanh vắng nên mới bị cướp - , không người xem thấy. Nghĩa cử cao đẹp này và chiếc bông hồng của thi sĩ Rayon quả là có quan hệ mật thiết với nhau...

Chúng ta cũng cần phải nói thêm rằng, câu chuyện của vị thi sĩ cũng chỉ là một câu chuyện muốn nói cho chúng ta một khía cạnh theo nghĩa hình ảnh của sự cho đi - cho đi với hết con tim của mình -, chứ không phải là một thứ khuôn vàng thước ngọc theo nghĩa cụ thể trong hành động (vì chúng ta biết thi sĩ là thi sĩ). Chúng ta cũng không quên cảm ơn thi sĩ đã cho chúng ta một hình ảnh thật đẹp về sự cho đi đó. Ước gì đời sống của chúng ta, ngày qua ngày, sẽ kết thành chiếc bông hồng đa sắc tiến dâng lên Thiên Chúa.

LỜI NGUYỆN

Lạy Mẹ Maria Vô Nhiễm, Mẹ vi tựa chiếc bông hồng muốn sắc tiến dâng lên Thiên Chúa. Xin Mẹ làm cho chúng con nên như một bông hồng được may mắn trót đời chưng trong nhà Chúa,

không phải để tô điểm thêm vẻ huy hoàng tráng lệ cho thánh điện của Người, nhưng để cho niềm vui và hạnh phúc của chính chúng con như lòng Chúa mong muốn. Xin Mẹ làm cho cánh hồng này là cánh hồng thật, chứ không phải cánh hồng làm bằng nhựa, bằng giấy, hay bằng vải, để không những nó đem lại vẻ đẹp, nhưng còn mang lại vẻ tươi tắn và tỏa ngát hương vị thánh-tình hiến tế cho môi trường của những người sống xung quanh con trong ngàn năm Kitô thứ ba này. Xin Mẹ, mỗi ngày giúp cho chúng con biết liên kết với Mẹ, để được Mẹ dùng Lời Chúa và Thánh chỉ của Người tô điểm cuộc đời đức tin - đồng nghĩa với cuộc đời hiến dâng - của chúng con. Xin Mẹ giúp chúng con thâm hiểu lời Thánh vịnh: 'Phúc đức những ai tiến thân trong luật pháp của Chúa.'
A-men.

6.

Phải chăng

người Samaritanô nhân hậu có đức tin?

*'HÃY ĐẶT NGÓN TAY CON VÀO ĐÂY,
VÀ HÃY NHÌN XEM TAY THẦY.
HÃY ĐƯA BÀN TAY CON RA
MÀ ĐẶT VÀO CẠNH SƯỜN THẦY.
ĐỪNG CỨNG LÒNG NỮA, NHƯNG HÃY TIN.'
(GA 20:27)*

Tôma, một trong Nhóm Mười Hai, để lại cho chúng ta một hình ảnh nhớ đời: hình ảnh của một niềm tin nặng phần lý trí, nếu không muốn nói là niềm tin nặng khoa học tính. Dĩ nhiên Tôma không phải là nhà khoa học, nhưng là một tông đồ, vị tông đồ khi mới theo Thầy

mình, đang vẫn còn ở những bước chập chững của cuộc hành trình đức tin; lúc đó đức tin ông vẫn còn đòi hỏi sự xác thực của lý luận con người. Ông nói: *"Nếu tôi không thấy dấu đinh ở tay Người, nếu tôi không xỏ ngón tay vào lỗ đinh, và không đặt bàn tay vào cạnh sườn Người, tôi chẳng có tin"*.

Lời nói đó của Tôma đã đi vào lịch sử của các nhà khoa học khi họ bàn về vấn đề niềm tin tôn giáo. Tuy nhiên, xét về khoa học, Tôma đã có lý, nhưng xét về niềm tin, ông đã bị Đức Yêsu khiển trách cách nhẹ nhàng, tế nhị nhưng thấm thía: *"Hãy đặt ngón tay con vào đây, và hãy nhìn xem tay Thầy. Hãy đưa bàn tay con ra mà xỏ vào cạnh sườn Thầy, chớ cứng lòng, nhưng hãy tin"*.

Chúng ta không dám vội trách Tôma, vì nhiều khi đức tin của chúng ta e còn tệ hơn đức tin của Tôma lúc đó nữa, mà có thể không phải vấp phạm một lần như Tôma, mà còn có thể tái diễn nhiều lần trong cuộc đời của chúng ta là đằng khác. Thật vậy, nhiều khi đức tin chúng ta gặp những nghi ngờ như Georges Bernanos đã có lý khi nói rằng: *"Tin là nghi ngờ 24 giờ một ngày, chỉ trừ một phút cây trồng"*. Nhưng ngược lại, Jean Guitton, một triết gia Công giáo nói rằng: *"Việc hoài nghi thường xuyên có thể làm cho chúng ta vững tin"*.

Người Kitô hữu bình dân chúng ta có lẽ không có những lập luận, thắc mắc trên của giới triết gia, càng không đặt niềm hy vọng như Jean Guitton đã đặt. Lập luận của chúng ta rất đơn sơ: đức tin là một hồng ân vô giá, được Thiên Chúa ban tặng cho chúng ta một cách

nhưng không, và là một màu nhiệm mà lý trí con người không thể hiểu nổi. Chúng ta hiểu cách giản đơn rằng, giữa đức tin và đức ái, giữa niềm tin và tình yêu, có một tương quan chặt chẽ không thể chia lìa: chúng ta càng yêu nhiều, chúng ta càng tin vững vàng. Trong kinh Catena, mỗi ngày người kỵ binh Legio Mariae đều tuyên xưng rằng: *"đức tin sống bởi đức mến"*. Người mến Chúa không cần phải tin nữa, vì họ đã thấy Chúa: đó là những người sống trên thiên đàng. Một ví dụ trong Phúc âm: Khi trông thấy bóng Chúa Yêsu đi trên biển, không ai trong các tông đồ nhận ra đó chính là Thầy mình, thầy đều cho đó là ma, duy chỉ "người yêu nhiều", vị tông đồ trẻ Yoan, trông thấy và hô lên: *"Chính Thầy đó!" (Dominus est!)*.

Người có niềm tin mạnh mẽ là người tin vào thực tại mà *"mắt chưa hề thấy, tai chưa hề nghe"* như thánh Phaolô nói. Bác sĩ Alexis Carrel gọi thực tại đó là *"quê hương kỳ diệu"*. Có lần ông nói: *"Có một quê hương kỳ diệu ở bên kia biên giới của triết học và khoa học mà nhân loại có thể đạt đến được. Tại khẩu quan của quê hương kỳ diệu ấy, lý trí phải tự động dừng chân."* Các nhà chiêm niệm là những người đã lui tới quê hương kỳ diệu này. Nếu chúng ta là những nhà chiêm niệm, chúng ta cũng sẽ có thể đặt chân lên quê hương này được, nơi con người gặp gỡ Thiên Chúa vô hình.

Như vậy, vấn đề thường nhật của chúng ta là làm thế nào để chúng ta tin thật rằng Đức Kitô đã sống lại thật mà chỉ do nghe nói lại chứ không phải do chính mắt chúng ta thấy tỏ tường Người hiện ra cho chúng ta, càng không phải do việc chúng ta xỏ ngón tay vào vết thương của

chính thân xác phục sinh của Người. Để có được niềm hạnh phúc thật, chúng ta phải tin vào Lời Người nói rằng, Người hằng hiện diện trong những anh chị em mình đầy vết thương để nhận ra Người, chứ không đòi hỏi đích thị Người phải cho chúng ta được diện đối diện với Người, diện đối diện với năm dấu đinh trên thân xác phục sinh của Người.

Người Samaritanô nhân hậu trong dụ ngôn "Ai là anh em tôi" là một họa ảnh của con người người có phúc này: cách nào đó, có thể nói theo nghĩa hình ảnh, do lòng mến, anh ta đã nhìn thấy Chúa qua việc nhìn thấy những "vết thương hiện thân" của Chúa trên mình nạn nhân bị đánh trọng thương. Nói cách khác, anh ta đã biết yêu. - **Phải chăng chúng ta có thể nói rằng, qua hành vi yêu thương của "người anh em ngoại giáo" được Đức Yêsu lấy làm mẫu mực đây, người Samaritanô nhân hậu này là một người có đức tin?**

Đến đây, chúng ta có thể tạm định nghĩa rằng, Kitô-hữu, chứng nhân cho sự phục sinh của Đức Kitô, là người do lòng mến mà nhận ra Chúa Yêsu hiện diện trong những người anh chị em mình đầy thương tích. Đó đích thực là cái nhìn của một đức tin sống động, được nuôi dưỡng và bồi dưỡng bằng tình yêu mà họ đón nhận mỗi ngày từ Thánh Thần Chân lý, Đấng liên lý hoạt động trong họ, đặc biệt mỗi khi họ đón nhận chính Thân xác màu nhiệm của Chúa Yêsu qua việc rước lễ và qua việc đón nhận Lời Hằng sống.

Tóm lại, chính đức ái nuôi dưỡng và làm cho đức tin của con người trưởng thành. Nếu đúng vậy, không đức tin

của một ai khác vĩ đại cho bằng đức tin của Đức Maria, vì không có đức ái của một ai khác mạnh mẽ cho bằng đức ái của Mẹ. Đức tin của Mẹ khác hẳn đức tin của Tôma được kể lại trong câu chuyện Phúc âm. Câu nói *"Phúc cho Bà là kẻ đã tin rằng Lời Chúa nói cùng Bà sẽ được thực hiện"* của người chị họ của Mẹ đã đi vào lịch sử của những kẻ có lòng tin, và là bài học muôn thuở của những kẻ không tin, hay chưa tin, hay còn nhiều yếu kém trong lòng tin. Khi Chúa bị đánh đòn, Mẹ đã nhìn tận mắt những vết thương trên thân xác Chúa; khi Người bị lưỡi đồng đâm thấu cạnh sườn long, Mẹ đã mục kích; khi thi hài Con Mẹ được đưa xuống khỏi thập giá, lòng Mẹ nát tan đã ấp ủ tấm thân đầy vết thương của Con Mẹ trên cánh tay mình. Thấy cảnh tượng đó, nhưng Mẹ vẫn một niềm xác quyết rằng, Con Mẹ sẽ sống lại: Nguyên lai vì Mẹ đã tin vào lời của Con Mẹ; và sở dĩ Mẹ tin vào lời Con Mẹ, vì Mẹ yêu Người, Thiên Chúa của Mẹ, Đấng Cứu chuộc của Mẹ.

Chúng ta hãy cùng với thánh Tôma Aquinô tiến sĩ thưa với Chúa: *"Lạy Chúa, con không xin Chúa cho con được xem thấy thương tích của Chúa như thánh Tôma tông đồ, nhưng con xin cho con luôn biết tuyên xưng Ngài là Chúa của con. Xin Chúa hãy làm cho con mãi mãi tin vào Ngài, trông cậy Ngài, và yêu mến Ngài hơn nữa"*.

7.

Người Samaritanô nhân hậu & Tinh thần siêu thoát

*'CON CÁI ĐỜI NÀY CƯỚI VỢ LẤY CHỒNG,
CHỈ NHỮNG AI ĐƯỢC XÉT LÀ
ĐÁNG HƯỞNG PHÚC ĐỜI SAU VÀ SỐNG LẠI TỪ CÔI CHẾT,
THÌ KHÔNG CƯỚI VỢ, CŨNG CHẴNG LẤY CHỒNG.
QUẢ THẬT, HỌ KHÔNG THỂ CHẾT NỮA,
VÌ ĐƯỢC NGANG HÀNG VỚI THIÊN THẦN'
(Lc 20: 34-36).*

*Công đồng Nicea dạy chúng ta tuyên xưng: "Tôi tin
xác loài người ngày sau sống lại."*

Những người Pha-ri-siêu tin vào sự sống lại; còn những người Xa-đu-xê thì không, vì họ cho rằng Mô-i-sen đã không dạy điều đó. Đức Yêsu đã đưa vấn đề ra và nói rằng thực sự Môisen đã dạy điều đó khi ông nói: *"Chúa là Thiên Chúa của Abraham, Thiên Chúa của Isaac, và Thiên Chúa của Giacob."* Đức Yêsu giải thích rằng, bởi vì *"Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa của kẻ chết, mà là của kẻ sống."* Linh hồn của Abraham, Isaac, và Giacob vẫn còn sống, và vẫn còn đang đợi chờ Đức Yêsu đem sự sống lại cho thân xác họ.

Ý nghĩa của đức tin chúng ta nằm ở chân lý này là: Đức Yêsu đã chết vì tội lỗi chúng ta, và sống lại vì sự công chính và vì sự phục sinh của chúng ta. Luôn luôn sự sống và tình yêu chỉ đến qua một con người. Đúng vậy, sự sống lại và tình yêu đã đến từ con người Đức Yêsu. Khi cạnh sườn Người bị lưỡi đồng đâm thấu, nước của sự tái sinh chúng ta trong phép rửa tội tuôn trào ra, máu của lương thực Thánh Thể của chúng ta, và Chúa Thánh Thần của ngày Hiện xuống. Đó là lý do tại sao Đức Yêsu nói: *"Hãy để những ai khát đến với Ta và uống,"* vì *"dòng sông của nước hằng sống sẽ chảy ra từ Người."* Sau đó, Người nói với Matta: *"Ta là sự sống lại và là sự sống."*

Đức Yêsu đã hiện ra nhiều lần với các môn đệ sau khi sống lại, để khắc ghi sự kiện đó vào trong niềm tin của chúng ta. Các môn đệ hiểu rõ điều đó, nên khi thời gian đến để chọn một tông đồ thay thế chỗ của Giuđa kẻ phản bội, Phêrô đã nói ngay rằng, người được chọn phải là một môn đệ đã từng sống với họ trong suốt cuộc đời công khai, đến cái chết và sự sống lại của Đức Yêsu, như thế

người đó mới có thể *"cùng với chúng ta, trở thành một chứng nhân cho sự sống lại của Người."*

Và thánh Phaolô, khi đương đầu với những người nghi ngờ về sự sống lại, đã nói rằng, nếu không có sự sống lại, nếu Đức Yêsu đã không phục sinh, thì chúng ta đã làm chứng cho một điều sai lầm khi chúng ta nói rằng, Thiên Chúa đã thực sự làm cho Người sống lại; và lúc đó, chúng ta vẫn sẽ ở trong tội của chúng ta, và *"chúng ta trở thành những người đáng thương nhất."* Rõ ràng là người nào không tin vào sự phục sinh thì cũng không phải là người Công giáo, cũng không phải là người Kitô hữu. Đức Yêsu cũng phác họa cho chúng ta điều kiện nào là điều kiện ắt có và đủ để một người xứng đáng trở thành con Thiên Chúa và con của sự sống lại.

Thường chúng ta không phải chịu tử đạo như các thánh tử đạo, nhưng chúng ta vẫn phải sống như là những *"người tử vì đạo"*. Từ ngữ *"người tử vì đạo"* theo nguyên ngữ Hy lạp có nghĩa là *"chứng nhân"*. Chúng ta phải làm chứng vì đức tin bằng một cuộc sống trung thành.

Thánh Tiến sĩ Thần học Tôma Aquinô nói rằng, *sự không trong sạch về tính dục làm hao mòn niềm tin vào sự sống lại.* Tại sao? Vì những người không trong sạch giam hãm mình trong thú vui xác thịt và không muốn tin vào sự sống lại. Ngày nay, sự không trong sạch về tính dục đang ăn rễ sâu vào trong văn hóa của nhân loại. Do đó, chúng ta không lấy gì làm lạ tại sao có nhiều người đã mất đức tin vào sự sống lại. Phạm tội về tình dục là phạm tội chống lại sự sống và tình yêu, bởi vì món quà tính dục

là một năng lực đặc biệt của việc yêu đương và của việc trao ban sự sống. Những người lợi dụng (abuse) năng lực trao ban sự sống của chính mình sẽ hướng tới việc mất niềm tin vào năng lực trao ban sự sống của sự sống lại của Thiên Chúa. Trong trường hợp phạm tội này, cách tốt nhất là hối nhân cần làm ngay một việc rất đơn giản: Đi xưng tội. Khi linh hồn được thanh tẩy, tính xác thật sẽ được thanh tẩy, đức tin và niềm mong đợi vào sự sống lại sẽ trở lại với người đó.

Chúng ta cần tất cả những sự trợ giúp chúng ta có thể có để sống một đời sống trong sạch. Giáo hội cảnh giác chúng ta nhiều lần việc lợi dụng tình dục trước hôn nhân, ngoại tình, hôn nhân trái phép, đồng tính luyến ái, thủ dâm, ngừa thai nhân tạo. Tất cả những cái đó đều đi ngược lại với lề luật của Thiên Chúa.

Nói tới đây, chúng ta mới thấy đời sống của các linh mục và tu trì cao quý biết là chừng nào: Những người tu hành nuôi lý tưởng sống trong sạch, sống khiết tịnh trong linh hồn lẫn thân xác, nghĩa là họ ao ước trong mức độ mãnh liệt nhất có thể được để vươn đến đỉnh cao của sự trung thành trong đức tin, đức tin vào sự sống lại. Họ là những người có nhiều phương tiện nhất, có những phương tiện tốt nhất để sống kết hiệp với Đức Yêsu, Con Người của vĩnh cửu, Đấng Ba lần Thánh.

Tuy nhiên, nói chung, bất luận linh mục, tu sĩ hay giáo dân, nếu chúng ta càng sống trong sạch, chúng ta càng được kết hiệp sâu xa với Chúa. Càng kết hiệp sâu xa với Người, chúng ta càng nên đồng hình đồng dạng với Người, càng trở nên con người của thế giới vĩnh cửu, nơi

Người hằng sống hằng trị đời đời. Nói cách khác, càng trở nên giống Người có nghĩa là ngày càng được thần-tính-hóa, thiêng-liêng-hóa, như Chúa Yêsu nói, "*giống như thiên thần*". Chúng ta không trở thành thiên thần, nhưng trở nên "*giống như thiên thần*" (tiếng Anh là "*they are the same as the angels*"). Đức Yêsu cắt nghĩa rõ về đời sống này: đó là một đời sống bất tử ("*they can no longer die*"), và không còn dựng vợ gả chồng nữa ("*they do not marry*").

Như thế, rõ ràng đời sống tu trì của các linh mục, tu sĩ Công giáo là một trong những dấu hiệu rõ nhất của việc diễn tả đời sống bên kia cuộc đời tạm này, đồng thời là một ơn gọi tham dự nhiều nhất vào thiêng-liêng-tính của Thiên Chúa, như thiêng liêng tính của các thiên thần. Nói theo ngôn từ của thánh Yoan Thánh giá, qua sự cắt nghĩa này, ở đây, Đức Yêsu đã hé mở thêm một chút nữa tấm màn của thế giới vĩnh cửu, nơi đang có Abraham, Isaac, Giacob, và Môi-sen, những người tin vào sự sống lại, hiện diện trong Ba Ngôi Thiên Chúa Hằng sống. Tấm màn đó mỗi ngày mỗi được vén rộng thêm ra một chút một cách tư mật cho những người được tuyển chọn trong ơn gọi đặc thù, vì được yêu thương cách đặc biệt, qua những giờ kinh nguyện, qua những giây phút thần hiệp thâm sâu với Chúa, qua những liên kết không ngừng với Chúa trong những giờ làm việc, qua trạng thái vĩnh viễn sống độc thân và giữ lòng trinh khiết, qua việc hy sinh tình yêu tính dục và sự hiến dâng mọi thú vui nhục dục, qua những nỗ lực mỗi giây phút tu thân tích đức, rèn luyện cho niềm tin của mình vào sự sống và vào sự sống lại ngày mỗi sâu sắc hơn, để biến cuộc sống mình thành một cửa lễ hy sinh,

một chứng nhân sống động, một "người chịu tử đạo" vì niềm tin đó. Trong câu chuyện dụ ngôn "Ai là anh chị em của tôi", người Samaritanô nhân hậu, mặc dù không phải là một người có đạo, càng không phải là một tu sĩ, nhưng hành động yêu thương quên mình của anh ta làm cho chúng ta có thể nói được rằng, anh là một họa ảnh của một người có tinh thần sống siêu thoát trên những gì là chóng qua ở đời này, đặc biệt là tiền bạc, của cải.

Trong khi người Samaritanô ấy là một họa ảnh tuyệt vời về một cuộc sống siêu thoát, thì Mẹ Maria là một mẫu gương: trong cuộc sống siêu thoát như vậy, không ai đạt được cao độ như Đức Maria, vì không ai sống trong trắng, tinh tuyền như Mẹ. Mẹ là người Kitô hữu thứ nhất, là "chứng nhân" thứ nhất; hơn thế nữa, là người tu sĩ thứ nhất, đã được Đức Yêsu "vén tấm màn" trong mức độ rộng nhất để Mẹ thấy được rõ hơn ai hết những vẻ thần thiêng của thế giới vĩnh cửu. Những giờ tâm sự với Chúa Cha, sự đón nhận tác động liên li của Chúa Thánh Thần, và những giờ thổ thề hàn huyên với Chúa Con, trước là trong lòng mình, trên đầu gối, sau là diện đối diện, Mẹ đã ngày càng được tham dự cách sâu xa hơn vào tất cả "thiên-liêng-tính", thiên liêng tính của sự sống sau cái chết trên trần gian này. Chúng ta xin Mẹ giúp chúng ta khi bước vào ngàn năm Kitô thứ ba này, biết sống trong sạch như Mẹ, để cùng với Mẹ, ngay trên trần gian này, được tham dự vào thiên-liêng-tính của Thiên Chúa.

8.

**Người Samaritanô nhân hậu:
Họa ảnh của "con người mới"**

*'NHƯ ĐỨC KITÔ NHỜ VINH HIỂN CỦA CHÚA CHA
MÀ SỐNG LẠI TỪ CỎI CHẾT THẾ NÀO,
THÌ CẢ CHÚNG TA
CŨNG PHẢI SỐNG ĐỜI SỐNG MỚI NHƯ THẾ'
(RÔM 6:3-11)*

ĐOÀN NGƯỜI PHỤC SINH

Giao hội luôn tuyên xưng rằng, niềm tin của mình được đặt căn bản trên biến cố phục sinh của Đức Kitô. Do đó, lễ Phục sinh trở thành lễ quan trọng nhất, lớn nhất trong một năm phụng vụ của Giáo hội. Đây cũng là đỉnh cao của niềm vui trong một năm phụng vụ. Nhiều đoạn Kinh

thánh được dùng trong đêm Vọng phục sinh, đặc biệt bài trích sách Xuất hành, và các bài đáp ca như những "băng reo" rộn rã một niềm vui khôn tả, vang lên trong lòng của những người được cứu thoát khỏi ách tù đầy, khỏi đau khổ nhọc nhằn, khỏi cảnh nô lệ nhục nhã, khỏi cơn đau nhói của những vết thương lòng: *"Đây là ngày Chúa đã lập ra, chúng ta hãy mừng rỡ hân hoan trong ngày đó! (Tv 117:24) ... Tôi không chết, nhưng tôi sẽ sống" (Tv 117:17a); "Lạy Chúa, con ca tụng Chúa, vì Chúa đã cứu con" (Đáp ca sau bài đọc IV đêm vọng Phục sinh: Tv 29:2a); "Ta sẽ chúc tụng Chúa, vì Người đáng ngợi khen rực rỡ... Lạy Chúa, tay hữu Chúa đánh tan quân thù " (Xh 15:1a; 6); Các người sẽ hân hoan mức nước nơi suối Đấng Cứu độ" (Is 12:3)...*

Phải, chúng ta thuộc về đoàn người "bị đánh trọng thương", nằm quằn quại chờ chết, và chính nhờ có "Người tốt bụng" đã đến để đưa chúng ta vào "quán trọ Giáo hội", để ở đó, chúng ta được băng bó và được phục hồi, để từ nay, cũng như Đức Kitô, *"sự chết không còn làm chủ được chúng ta nữa"* (x. Bài Thánh thư đêm vọng Phục sinh Rm 6:9b).

"NGƯỜI SAMARITANÔ NHÂN HẬU", HỌA ẢNH CỦA "CON NGƯỜI MỚI"

"Nạn nhân bị đánh trọng thương vất bên đường" trong dụ ngôn được tượng trưng cho mỗi người chúng ta. Đồng thời, *"người Samaritanô nhân hậu"* trong dụ ngôn cũng là họa ảnh cho những con người thuộc về "đoàn người được

làm cho phục sinh" từ cõi chết. - Một con người mà có thể mang lấy cả hai họa ảnh.

Thực vậy, bài đọc thứ bảy trong đêm vọng Phục sinh đã gọi lên một hình ảnh đặc biệt của sự hồi sinh đó: *"Ta sẽ ban cho các người một quả tim mới, đặt giữa các người một thần khí mới, cất khỏi xác các người quả tim bằng đá, và ban cho các người một quả tim bằng thịt"* (Êdêkien 36:26). Chỉ có "quả tim bằng thịt" đầy lòng thương xót mới có thể động lòng trước cảnh đau thương hoạn nạn của anh chị em mình. Rất có thể qua hình ảnh của người Samaritanô nhân hậu, Đức Yêsu đã phần nào muốn minh họa *"con người mới"* của thời kỳ sau khi Người sống lại từ cõi chết; đồng thời, qua hình ảnh của vị tư tế và Lê-vi, Người cũng muốn minh họa cho chúng ta thấy *"con người cũ"*, những con người vẫn còn mang trong mình con tim chai đá, không biết xót thương đồng loại trong cơn bĩ cực.

Như vậy, sống niềm tin vào Đức Yêsu là sống một cuộc sống mới, với một quả tim mới, với một tấm lòng mới. *Cuộc sống mới* này chính là cuộc sống tương tự như *cuộc sống xưa nhất* trong lịch sử con người, nghĩa là cuộc sống tương tự như cuộc sống của Nguyên tổ chúng ta khi vừa được Thiên Chúa sáng tạo trong thời gian trước khi phạm tội. Mở đầu Phụng vụ Lời Chúa trong đêm Phục sinh, Giáo hội mỗi năm cho chúng ta nhìn lại họa ảnh của *con người xưa nhất* này qua bài trích Sáng thế ký: *"Vậy Thiên Chúa đã tạo thành con người giống họa ảnh của Chúa, Chúa tạo thành con người giống hình ảnh Thiên Chúa"* (St 2:27). Thời gian sáng tạo này là thời gian

không những chỉ có con người mà còn cả "địa cầu (cũng) đầy ân sủng Chúa" (Đáp ca sau bài đọc I của lễ Vọng Phục sinh, Tv 32:5b).

Như vậy, chúng ta phải ngược dòng thời gian cứu độ, như phụng vụ của Lễ Phục sinh hướng dẫn chúng ta, để nhờ đó, chúng ta hiểu rõ hơn căn tính của những vết thương của chúng ta do tội lỗi gây ra, và những vết thương đó được chữa lành như thế nào, nhờ đó, chúng ta hiểu được chút ít gì về mầu nhiệm phục sinh của Đấng Cứu thế.

NGƯỜI SAMARITANÔ NHÂN HẬU, HÌNH ẢNH SỐNG ĐỘNG VÀ CHÚNG NHÂN HÙNG HỒN CỦA BIẾN CỐ PHỤC SINH CỦA ĐỨC KITÔ

Việc chúng ta phải làm trong cả đời sống, nói cách vắn tắt, là chúng ta vừa phải tạ ơn Người với tư cách một người-bị-đánh-trọng-thương- nằm-chờ - chết-nhưng-được-Đức-Kitô-đến-cứu-chữa, vừa phải làm chứng nhân cho Người với tư cách một người-Samaritanô-nhân-hậu-khác. Làm chứng nhân cho Người không những chúng ta chỉ kể cho người khác rằng Đức Kitô đã sống lại, vì các người lính canh mộ Chúa cũng có thể làm được như thế, nhưng còn phải sống thế nào để qua chúng ta, Đức Kitô có thể đến chữa lành vết thương nơi những anh-chị-em-đau-khổ-mình-đầy-vết-thương sống chung quanh chúng ta trong ngàn năm Kitô thứ ba này.

Nói cách khác, chúng ta phải trở nên hiện thân đích thực của Người. Muốn được vậy, mỗi giây phút trong đời sống chúng ta cần liên li sống kết hiệp với Người, qua

việc sống kết hiệp với thân xác phục sinh của Người khi chúng ta đón rước Thánh Thể, cũng như vào bất cứ lúc nào, qua việc đón nhận Lời Chúa. Chúng ta cần luôn ý thức sâu xa rằng, Người luôn sống động trong chúng ta. Nói theo những động tác của người Samaritanô nhân hậu trong dụ ngôn, chúng ta có thể nói rằng, chúng ta đang cỡi ngựa trên hành trình dương thế, chính Người cũng cỡi ngựa với chúng ta. Đang trên đường cỡi ngựa, nhiều khi tình cờ gặp một người anh / chị em trong cơn hoạn nạn, chính Người ở trong chúng ta trông thấy nạn nhân và động lòng thương, chính Người ở trong chúng ta dừng lại, xuống ngựa, vực nạn nhân lên lưng ngựa, đưa vào quán trọ; sau đó chính Người ở trong chúng ta hy sinh tiền của, thời giờ, hy sinh tất cả, để cho việc chữa lành những vết thương của nạn nhân, một người anh / chị em không hề quen biết.... được thực hiện. Và đó là ý nghĩa của một họa ảnh sống động và một chứng nhân hùng hồn cho biến cố Phục sinh của Đức Kitô.

MẸ MARIA, NHÂN CHỨNG HÙNG HỒN NHẤT CỦA BIẾN CỐ PHỤC SINH CỦA ĐỨC KITÔ

Phúc âm không nói gì về việc Đức Yêsu có hiện ra cho Mẹ hay không sau khi Người từ trong cõi chết sống lại. Tuy nhiên, chúng ta có thể nghĩ rằng, ngoài niềm tin mạnh mẽ rằng Con Mẹ sẽ sống lại như Lời Người đã phán - vì Mẹ là Đấng luôn *"tin rằng Lời Chúa phán sẽ được thực hiện"* - , ngoài thị kiến rất có thể có sau khi Con Mẹ phục sinh, Chúa Yêsu có lẽ cũng đã thân hiện ra trước tiên với Mẹ, Đấng vừa là Mẹ, vừa là Đấng Đồng công cứu chuộc. Đức tin cao vời của Mẹ không cần có sự hiện ra

này, nhưng, có thể nói, việc gặp gỡ lại Con mình trong thân xác phục sinh hữu hình vẫn làm tăng thêm niềm vui cho Mẹ, bù lại những sầu khổ Mẹ đã phải chịu. Nếu trên đường khổ nạn của Chúa Yêsu Con Mẹ, không ai đã thống khổ cho bằng Mẹ, thì khi giờ phục sinh đến, cũng không ai tràn đầy niềm vui cho bằng Mẹ. Chính vì vậy, trong suốt mùa Phục sinh, Giáo hội đã không ngớt nhắc đi nhắc lại niềm vui này của Mẹ, để qua đó, Giáo hội được hiệp thông với niềm vui phục sinh rộn rã trong tâm hồn Mẹ, qua lời kinh *"Lạy Nữ vương thiên đàng, hãy vui mừng, Alleluia! Vì Đấng Mẹ đã cưu mang trong lòng đã sống lại thật, như lời đã phán hứa, Alleluia!"*

Chúng ta xin Mẹ giúp chúng ta luôn biết sống trong niềm tin vững vàng vào Đức Kitô phục sinh như Mẹ đã sống, cũng như xin Mẹ luôn cho chúng ta nhờ Mẹ, không ngừng được biến đổi nên giống thân xác phục sinh của Chúa Yêsu Con Mẹ trong đời sống chúng nhân đầy khó khăn giữa thế giới hôm nay, đặc biệt trong những thập niên đầu của ngàn năm Kitô thứ ba này, để qua đời sống chúng nhân, chúng ta được tham dự vào đời sống phục sinh của Đức Kitô ngay trong đời sống tại thế này, nghĩa là được tham dự vào niềm vui vĩnh cửu, giữa những hy sinh phục vụ anh chị em chúng ta bằng *quả tim mới* Chúa ban cho.